

Bản án số: 232/2024/DS-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Xuân Cúc
- Bà Mai Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* chị Ngô Thị Thu C, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và chị Ngô Thị Thu C là chị em chú bác ruột. Chị có cho chị C vay tiền 02 lần như sau:

- Ngày 14/6/2023, vay số tiền 370.000.000 đồng, chị C có ký tên vào giấy

nợ, giấy nợ ghi lãi suất theo lãi ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 14/8/2023.

- Ngày 14/8/2023 chị C năn nỉ chị vay thêm số tiền 270.000.000 đồng, giấy nợ là do chị C tự ghi, hẹn vài ngày đáo hạn ngân hàng sẽ trả, số tiền này không tính lãi.

Từ khi vay đến nay chị C chỉ trả được 20.000.000 đồng tiền lãi, trả vào ngày nào không nhớ, không có làm giấy tờ. Nay chị yêu cầu chị C trả số tiền gốc 640.000.000 đồng, không tính lãi, chỉ yêu cầu một mình chị C có trách nhiệm trả nợ.

Chị Ngô Thị Thu C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, buộc chị Ngô Thị Thu C trả cho chị Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 640.000.000 đồng, không tính lãi.

Về án phí: chị Ngô Thị Thu C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Ngô Thị Thu C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Ngô Thị T khởi kiện cung cấp chứng cứ là 02 giấy nợ: giấy nợ ngày 14/6/2023 có nội dung chị Ngô Thị Thu C vay số tiền 370.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn đến ngày 14/8/2023, lãi suất theo lãi ngân hàng và giấy nợ ngày 14/8/2023 có nội dung chị C vay số tiền 270.000.000 đồng không có thời hạn và lãi suất. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó, chị C từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án nên vụ án được giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, có cơ sở xác định việc vay số tiền 640.000.000 đồng giữa chị T và chị C là có thật. Đối với số tiền 370.000.000 đồng là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Đối với số tiền 270.000.000 đồng là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015. Chị T nhiều lần đòi tiền nhưng chị C chỉ hứa hẹn mà không trả nên phát sinh quyền khởi kiện theo quy định. Đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng đã nhận, xét thấy nếu tính tiền lãi của số tiền 370.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng thì số tiền lãi phải đóng là nhiều hơn số tiền 20.000.000 đồng nên không xem xét khấu trừ vào tiền gốc. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, cần buộc chị Ngô Thị Thu C trả cho chị Ngô Thị T số tiền gốc 640.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Ngô Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.600.000 đồng.

Chị Ngô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.800.000 đồng theo biên lai thu số 0006359 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Ngô Thị T đối với chị Ngô Thị Thu C.

Buộc chị Ngô Thị Thu C có trách nhiệm trả cho chị Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 640.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi triệu đồng), ghi nhận chị Ngô Thị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Ngô Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.600.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị Ngô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.800.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006359 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Tân Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.